

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG SƠN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HSST
Ngày 24/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhân;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Anh Huân và ông Nguyễn Cao Thế

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Thế Hồng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND huyện Hương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Hương, Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ, 45 phút, ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/TLST- HS, ngày 06/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Phạm Khánh D**, sinh ngày 16/6/1993 tại xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn 4, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông: Phạm Hồng D1 và bà Lưu Thị M; Hiện cư trú tại Thôn 4, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Anh chị, em ruột: có 05 người, D là con thứ 5 trong gia đình. Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: Đang chấp hành quyết định số 06/QĐ-UBND, ngày 17/12/2017 của Chủ tịch UBND xã S về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường vì có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2018 đến ngày 10/01/2018 chuyển sang tạm giam tại Trại tạm giam Công an Hà Tĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

* **Người bị hại:**

1. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1964; Trú tại: Khối 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn H, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Có mặt)

3. Anh Nguyễn Mậu Q, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T1, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt)

4. Anh Phan Đức L, sinh năm 1967; Trú tại: Khối 5, Thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Viên chức văn phòng.(Vắng mặt)

5. Anh Dương Văn T2, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn 6, xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt)

6. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn 4, xã S2, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt)

7. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991; Trú tại: Khối 9, Thị trấn P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lái xe.(Vắng mặt)
 8. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn B, xã S3, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Có mặt)
 9. Anh Nguyễn Anh T4, sinh năm 1992; Trú tại: Khối 6, Thị trấn T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt)
 10. Anh Nguyễn Chí H1, sinh năm 1959; Trú tại: Thôn T, xã S4, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Làm ruộng.(Vắng mặt)
 11. Anh Nguyễn Đình L1, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn 9, xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Có mặt)
- * Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
1. Ông Nguyễn Trường C, sinh năm 1957; Trú tại: Thôn 10, xã S5, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt)
 2. Anh Nguyễn Ngọc Á , sinh năm 1987; Trú tại: Thôn 10, xã S5, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt)
 3. Nguyễn Trọng H2, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn 4, xã S5, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Có mặt)
 4. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990; Trú tại: Thôn 4, xã S5, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Có mặt)
 5. Anh Trần Văn H3, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn 4, xã S5, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Có mặt)
 6. Anh Trịnh Đức T5, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn A, xã S6, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt)
 7. Anh Trần Thanh H4, sinh năm 1997; Trú tại Thôn 6, xã S7, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt)
 8. Anh Phạm Văn H5, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn 6, xã S7, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt)
 9. Anh Trần Đình P, sinh năm 1993; Trú tại: Thôn 6, xã S7, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt)
 10. Anh Lê Hồng T6, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn 10, xã S7, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt)
 11. Anh Phan Văn L2, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn 1, xã S5, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có tại hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân, nên Phạm Khánh D, sinh năm 1993, trú tại thôn 4, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh thường đi tìm xe máy sơ hở để lấy trộm. Khoảng 18 giờ ngày 02/01/2018, D mang theo một chiếc vạm phá khóa hình chữ T và một chiếc cờ lê 10 , một mình đi xe buýt từ Thị trấn P về ngã ba T- L- H. Khi đến khu vực Kinh tế C thuộc thôn C, xã S1, huyện H, D nhìn thấy một chiếc xe máy Honda Wave anpha màu trắng đen của anh Nguyễn Xuân T để ở bên phải đường trước quán cà phê T. Thấy chiếc xe

để sơ hở, không có ai trông coi nên D xuống xe buýt và đi bộ lại vị trí chiếc xe máy, dùng vạm phá ổ khóa điện của chiếc xe, nổ máy điều khiển xe chạy đến khu vực cầu H thuộc xã S1 thì dừng xe lại. D dùng chiếc cờ lê 10 tháo biển kiểm soát của chiếc xe rồi vứt cả cờ lê và biển kiểm soát xuống sông N. Sau đó, D điều khiển chiếc xe về cất giấu tại nhà bà Dương Thị H6 (sinh năm 1956, trú tại thôn 4, xã S1) là bác ruột của D. Đến khoảng 20 giờ ngày 03/01/2018, D đến nhà bà H6 lấy chiếc xe máy đưa đi tiêu thụ, khi đi đến đoạn đường liên thôn, thuộc thôn 4, xã S1 thì bị lực lượng chức năng phát hiện và bắt giữ.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 05/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, UBND huyện H xác định: Chiếc xe máy của anh Nguyễn Xuân T trị giá 8.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Phạm Khánh D đã bị Cơ quan CSĐT Công an huyện H khởi tố điều tra về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định, ngoài hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Xuân T ngày 02/01/2018 thì trong thời gian từ đầu năm 2015 đến tháng 10 năm 2017, Phạm Khánh D còn thực hiện 10 vụ trộm cắp xe máy khác, với cách thức cơ bản giống nhau là dùng vạm phá khóa hình chữ T và cờ lê 10 phá ổ khóa điện, sau đó tháo biển kiểm soát vứt xuống sông để tránh bị phát hiện. Diễn biến cụ thể các vụ việc như sau:

- *Vụ thứ nhất:* Vào buổi sáng, một ngày giữa tháng 3/2015, Phạm Khánh D lấy trộm một xe máy Hon da wave anpha màu đen, BKS 38P1 – 08A của anh Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1972, trú tại thôn H, xã S2, huyện H. Sau khi trộm được xe, D đến nhờ anh Nguyễn Trường C, sinh 1959, trú tại thôn 10, xã S1 cầm cố cho Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1987, trú thôn 10, xã S1 lấy 3.000.000 đồng. Kết quả định giá của cơ quan chuyên môn xác định chiếc xe trị giá 6.500.000 đồng.

- *Vụ thứ hai:* Vào buổi chiều giữa tháng 6/2015, tại bệnh viện đa khoa Thị xã H, Phạm Khánh D lấy trộm một chiếc xe máy SIRIUS màu đỏ đen, BKS 38M1-154B của anh Nguyễn Mậu Q, sinh năm 1991, trú tại thôn Đ, xã T, huyện T1. Sau đó D đưa xe về bán cho anh Nguyễn Trọng H2, sinh năm 1984, trú cùng thôn với giá 7.000.000 đồng. Quá trình mua bán xe D không nói cho anh H2 biết đó là xe do D trộm cắp mà có. Anh Nguyễn Trọng H2 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe nói trên cho Cơ quan CSĐT Công an huyện H. Kết quả định giá xác định chiếc xe trị giá 12.000.000 đồng.

- *Vụ thứ ba:* Vào khoảng tháng 7/2015, tại quán bia L ở khối 2, Thị trấn P, Phạm Khánh D lấy trộm một chiếc xe máy Hon Da Wave anpha màu đỏ BKS: 38H1-120C của anh Phan Đức L, sinh năm 1967; trú tại khối 5, Thị trấn P. Sau đó D đem về bán cho một người Lào không quen biết tại khu vực gần nhà D với giá 4.000.000 đồng. Kết quả định giá xác định chiếc xe trị giá 7.500.000 đồng.

- *Vụ thứ tư:* Vào buổi chiều giữa tháng 10/2015, tại khu vực sân bóng đá mi ni thuộc khối 2, thị trấn P, Phạm Khánh D lấy trộm một chiếc xe máy Hon Da Wave anpha màu trắng đen của anh Dương Văn T2, sinh năm 1991; trú tại thôn 6, xã S4, sau đó đem về bán cho một người Lào không quen biết tại khu vực gần nhà D với giá 3.000.000 đồng. Kết quả định giá xác định chiếc xe trị giá 8.500.000 đồng.

- *Vụ thứ năm:* Vào khoảng đầu tháng 7/2016, tại quán tạp hóa ở thôn 4, xã S3, Phạm Khánh D lấy trộm một chiếc xe máy Yamaha sirius màu đỏ đen của anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989, trú tại thôn 4, xã S5, đem về nhà bán cho anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990, trú cùng thôn với giá 7.9000.000 đồng. Quá trình mua bán xe, D không nói cho anh N biết về nguồn gốc của chiếc xe là do phạm tội mà có, do đó anh N dùng được khoảng 01 năm thì bán lại cho anh Trần Văn H3, sinh năm 1984, ở thôn 4, xã S6 với giá 7.000.000 đồng. Khi mua xe anh H3 cũng không biết rõ nguồn gốc của chiếc xe, sau khi Cơ quan CSĐT Công an huyện H điều tra thì anh H3 mới biết chiếc xe mình mua là vật chứng của vụ án nên đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra. Kết quả định giá xác định chiếc xe trị giá 4.000.000 đồng.

- *Vụ thứ sáu:* Vào khoảng cuối tháng 7/2016, tại nhà xe T, thuộc thôn 4, xã S3, Phạm Khánh D lấy trộm một chiếc xe Honda Wave anpha màu trắng đen của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991, trú tại khối 9, xã S3. Sau đó đem về bán cho anh Trịnh Đức T5, sinh năm 1973, trú tại thôn A, xã S7 với giá 3.000.000 đồng. Quá trình điều tra anh Trịnh Đức T5 không thừa nhận việc mua xe nói trên của D. Kết quả định giá tài sản xác định chiếc xe trị giá 13.000.000 đồng.

- *Vụ thứ bảy:* Vào buổi trưa khoảng giữa tháng 10/2016, tại thôn B, xã S4, Phạm Khánh D lấy trộm một chiếc xe máy Honda Wave anpha màu trắng đen của anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1990, trú tại thôn B, xã S4 (chiếc xe này không có biển kiểm soát). Sau đó đem về bán cho Trần Thanh H4 (sinh năm 1997, trú tại thôn 6, xã S7) với giá 4.000.000 đồng. Quá trình mua xe anh H4 không biết là xe do D phạm tội mà có, sau đó anh H4 sử dụng xe đi phụ hồ ở thành phố H thì bị kẻ gian lấy trộm. Kết quả định giá xác định chiếc xe trên trị giá 15.000.000 đồng.

- *Vụ thứ tám:* Vào buổi trưa, khoảng giữa tháng 01/2017 tại khu vực nhà xe của Trung tâm thương mại Thị trấn T, thuộc khối 4, Thị trấn T, D lấy trộm một chiếc xe máy Honda Wave anpha màu đen của anh Nguyễn Anh T4, sinh năm 1992, trú tại khối 6, TT T. Sau đó đem về bán cho anh Phạm Văn H5 (sinh năm 1984, trú tại thôn 6, xã S7) với giá 3.000.000 đồng. Quá trình làm việc với cơ quan điều tra, anh H5 không thừa nhận việc mua chiếc xe của D. Kết quả định giá xác định chiếc xe trị giá 13.000.000 đồng.

- *Vụ thứ chín:* Vào buổi sáng, khoảng cuối tháng 05/2017, tại quán tạp hóa thuộc thôn 01, xã S8, Phạm Khánh D lấy trộm một chiếc xe máy Honda Wave anpha màu trắng đen của ông Nguyễn Chí H1 (sinh năm 1959, trú tại thôn T, xã S8). Sau đó đem về bán cho anh Trần Đình P (sinh năm 1993, trú tại thôn 6, xã S7) với giá 5.500.000 đồng. Quá trình mua xe anh P không biết là xe do D phạm tội mà có, nên Phong sử dụng một thời gian thì bán lại cho anh Phạm Hồng T6, sinh năm 1994, trú tại thôn 10, xã S7 với giá 6.900.000 đồng. Chiếc xe sau đó, T6 cho Lê Tuấn A, sinh năm 2000, trú cùng thôn mượn sử dụng vào ngày 28/11/2017, do vi phạm trật tự an toàn giao thông nên bị Cảnh sát giao thông Công an huyện H thu giữ. Kết quả định giá xác định chiếc xe trị giá 7.500.000 đồng.

- *Vụ thứ mười:* Vào buổi trưa, khoảng cuối tháng 10/2017, tại khu vực đám cưới nhà nghỉ L, thuộc khối 11, Thị trấn P, Phạm Khánh D lấy trộm 01 chiếc xe máy Honda Wave anpha màu trắng đen của anh Nguyễn Đình L1 (sinh năm 1975, trú tại thôn 9, xã

S1). Sau đó đem về bán lại cho anh Phan Văn L2 (sinh năm 1987, trú tại thôn 1, xã S6) với giá 5.000.000 đồng. Quá trình mua bán xe, D không nói cho L biết là xe do D phạm tội mà có. Kết quả định giá xác định chiếc xe trị giá 13.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Khánh D đã khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình. Với các hành vi trên, cáo trạng 07/2018/CT-VKS, ngày 06/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Phạm Khánh D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 BLHS 2015.

* Vật chứng vụ án gồm có:

1. Một đoạn kim loại màu xám dài 8,8cm, một đầu dẹt, một đầu tròn rỗng bên trong hình tứ giác, được bọc nylon màu đen.

2. Một đoạn kim loại hình trụ tròn màu trắng dài 11,2cm, đường kính 0,7cm. Bên ngoài bọc vỏ nhựa màu vàng và phân thành hai đoạn. Ở giữa có gắn một đoạn kim loại có một đầu hình trụ tròn đường kính 01cm, một đầu hình trụ tứ giác. Trên thân bề mặt có gắn một điểm gờ tròn lồi.

3. Một chiếc xe Sirius màu đỏ đen, không đeo BKS, số khung RL10Y9Y081224, số máy 5C64-081224, xe đã qua sử dụng, trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì.

4. Một chiếc xe Honda Wave màu trắng đen, số khung 150463, số máy 7150510, xe đã qua sử dụng, trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì.

5. Một chiếc xe Honda Wave màu trắng, đeo BKS 38H1-141d, số khung 371558, số máy 5371713, xe đã qua sử dụng, trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì.

6. Một chiếc xe Sirius màu đỏ đen, không đeo biển kiểm soát, số khung RLCS5C6KOEY (một số ký tự bị tẩy xóa), số máy 5C6K-171477, xe đã qua sử dụng, trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì.

7. Một chiếc xe Honda Wave an pha màu trắng, số khung 1217DY782648, số máy HC12E5782698, xe đã qua sử dụng, trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì.

Khoản 1,2 chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Sơn, khoản 3, 4,5,6,7 đã trả lại cho chủ sở hữu.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Những người bị hại: anh Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đình L1, Nguyễn Chí H1, Nguyễn Mậu Q, Nguyễn Xuân T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Các bị hại Nguyễn Văn T3 yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000đ; Nguyễn Anh T4 yêu cầu bồi thường số tiền 13.000.000đ; Nguyễn Mạnh T1 yêu cầu bồi thường số tiền 6.500.000đ; Phạm Đức L yêu cầu bồi thường số tiền 7.500.000đ; Dương Văn T2 yêu cầu bồi thường số tiền 8.500.000đ; Nguyễn Văn H yêu cầu bồi thường số tiền 13.000.000đ. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người bị hại.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Văn L2, Phạm Hồng T6, Trần Văn H3 và Nguyễn Trọng H2 không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173, tiết đầu điểm s khoản 1 điều 51, điểm g, khoản 1, Điều 52 BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm b, khoản 3, Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015 xử phạt bị cáo Phạm Khánh D từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo;
- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 BLDS 2015 buộc bị cáo Phạm Khánh D phải bồi thường cho những người bị hại với tổng số tiền 63.500.000 đồng, cụ thể như sau:

- + Anh Nguyễn Văn T3 số tiền 15.000.000đ;
- + Anh Nguyễn Anh T4 số tiền 13.000.000đ;
- + Anh Nguyễn Mạnh T1 số tiền 6.500.000đ;
- + Anh Phạm Đức L số tiền 7.500.000đ;
- + Anh Dương Văn T2 số tiền 8.500.000đ;
- + Anh Nguyễn Văn H số tiền 13.000.000đ.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 BLHS 2015; điểm a, khoản 2, Điều 106 BLTTHS năm 2015 xử: Tịch thu, tiêu hủy các công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội không có giá trị sử dụng. Truy thu số tiền 25.400.000 đồng bị cáo đã thu lợi bất chính.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận: trong thời gian từ tháng 3/2015 đến tháng 01/2018, Phạm Khánh D đã thực hiện 11 vụ trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện H và Thị xã H, với tổng giá trị tài sản thiệt hại là 108 triệu đồng, trong đó bao gồm: Một xe Wave an pha màu đen của anh Nguyễn Mạnh T1, trị giá 6.500.000 đồng; một chiếc xe máy nhãn hiệu SIRIUS màu đỏ - đen của anh Nguyễn Mậu Q, trị giá 12.000.000 đồng; một xe Wave an pha màu đỏ, BKS 38H1-120C của anh Phạm Đức L, trị giá 7.500.000 đồng; một chiếc xe máy Wave an pha màu trắng - đen của anh Dương Văn T2, trị giá 8.500.000 đồng; một chiếc xe máy SIRIUS màu đỏ - đen của anh Nguyễn Văn Đ, trị giá 4.000.000 đồng; một xe Wave an pha màu trắng đen của anh Nguyễn Văn H, trị giá 13.000.000 đồng; một chiếc xe máy Wave an pha màu đen của anh Nguyễn Văn T3, trị giá 15.000.000 đồng; một chiếc xe máy Wave an pha màu đen của anh Nguyễn Tuấn A, trị giá 13.000.000 đồng; một chiếc xe máy Wave an pha màu trắng đen của anh Nguyễn Chí H1, trị giá 7.500.000đ; một chiếc xe máy Wave an pha màu trắng đen của anh Nguyễn Đình L1, trị giá 13.000.000 đồng; một chiếc xe máy Wave an pha màu trắng đen của anh Nguyễn Xuân T, trị giá 8.000.000 đồng. Tất cả các vụ trộm cắp tài sản D thực hiện đều cùng một cách thức là lén lút dùng vạm hình chữ T phá khóa ổ điện, tháo biển kiểm soát vứt xuống sông để tranh bị phát hiện, sau đó bán lại cho những người khác. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 45.400.000đ (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng), đã dùng vào việc tiêu xài cá nhân hết.

[2] Hành vi của bị cáo Phạm Khánh D đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 với hai tình tiết định khung là “Có tính chất chuyên nghiệp” và “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000

đồng đến dưới 200.000.000 đồng". Do đó việc truy tố, xét xử bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân; bản thân bị cáo mặc dù đang chấp hành quyết định số 06/QĐ-UBND, ngày 04/12/2017 của Chủ tịch UBND xã S về việc *“áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường theo Nghị định 111/NĐ-CP của Chính Phủ”* song không chịu tu dưỡng rèn luyện mà còn phạm tội; trong một thời gian không dài bị cáo liên tiếp thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản với cùng một phương thức, thủ đoạn giống nhau, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 BLHS 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo; có bố là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì và hạng 3 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, x khoản 1 điều 51 BLHS năm 2015.

[6] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Phạm Khánh D phạm tội nhiều lần, có tính chất chuyên nghiệp, giá trị tài sản trộm cắp lớn, gây bức xúc trong nhân dân. Vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Trường C, Nguyễn Trọng H2, Nguyễn Văn N, Trần Văn H3, Trần Thanh H4, Trần Đình P, Lê Hồng T6 và Phan Văn L2, trong quá trình mua bán xe với bị cáo đều không biết xe do D phạm tội mà có nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

[8] Đối với Trịnh Đức T5, Nguyễn Ngọc A, Phạm Văn H5, quá trình điều tra không thừa nhận việc mua xe, cũng như nhận cầm cố xe của Phạm Khánh D nên không có căn cứ để xử lý. Đối với hai người nước Lào đã mua xe của D nhưng không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên cơ quan CSĐT không có cơ sở để xác minh.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại: anh Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đình L1, Nguyễn Chí H1, Nguyễn Mậu Q, Nguyễn Xuân T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm về mặt dân sự nên HĐXX miễn xem xét. Đối với những người bị hại còn lại, các tài sản bị cáo trộm cắp đã bán không thu hồi được và có yêu cầu bồi thường. Tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của người bị hại nên cần áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS, các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS 2015 chấp nhận sự thỏa thuận tự nguyện của bị cáo Phạm Khánh D bồi thường cho những người bị hại với tổng số tiền 63.500.000 đồng. Trong đó mức bồi thường đối với mỗi bị hại cụ thể như sau:

- + Anh Nguyễn Văn T3 số tiền 15.000.000đ;
- + Anh Nguyễn Anh T4 số tiền 13.000.000đ;
- + Anh Nguyễn Mạnh T1 số tiền 6.500.000đ;
- + Anh Phạm Đức L số tiền 7.500.000đ;

- + Anh Dương Văn T2 số tiền 8.500.000đ;
- + Anh Nguyễn Văn H số tiền 13.000.000đ.

[10] Về xử lý vật chứng: các vật chứng vụ án gồm: Một đoạn kim loại màu xám dài 8,8cm, một đầu dẹt, một đầu tròn rỗng bên trong hình tứ giác; Một đoạn kim loại hình trụ tròn màu trắng dài 11,2cm, đường kính 0,7cm. Bên ngoài bọc vỏ nhựa màu vàng và phân thành hai đoạn. Ở giữa có gắn một đoạn kim loại có một đầu hình trụ tròn đường kính 01cm, một đầu hình trụ tứ giác. Trên thân bề mặt có gắn một điểm gờ tròn lồi là những công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 47 BLHS 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS 2015 tuyên tịch thu, tiêu hủy. Các vật chứng là tài sản bị cáo trộm cắp Cơ quan điều tra đã xử lý, trả lại cho người bị hại trong quá trình điều tra, phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 106 BLTTHS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính: Tổng số tiền bị cáo D hưởng lợi từ việc bán xe trộm cắp là 45.400.000 đồng. Trong đó có 25.400.000 đồng bị cáo thu lợi từ việc bán 04 chiếc xe nhưng hiện tại đã thu hồi được trả lại cho người bị hại nên cần áp dụng điểm b, khoản 1 Điều 47 BLHS 2015 truy thu để sung quỹ nhà nước số tiền hưởng lợi bất chính trên. Đối với những chiếc xe không thu hồi được, bị cáo có nghĩa vụ bồi thường nên không tịch thu tiền thu lợi bất chính trên để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[13] Về tính hợp pháp của quyết định và hành vi của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b, điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48, điểm s, khoản 1 điều 51, điểm g, khoản 1, Điều 52 BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm b, khoản 3, Điều 106; Điều 331, Điều 333; khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS 2015; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. *Về tội danh và hình phạt:* Tuyên bố bị cáo Phạm Khánh D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo Phạm Khánh D 04(Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (04/01/2018).

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Chấp nhận sự thỏa thuận tự nguyện của bị cáo Phạm Khánh D bồi thường cho những người bị hại với tổng số tiền 63.500.000 đồng. Trong đó số tiền bồi thường cụ thể cho từng bị hại như sau:

- + Anh Nguyễn Văn T3 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng);
- + Anh Nguyễn Anh T4 số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng);
- + Anh Nguyễn Mạnh T1 số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng);

- + Anh Phạm Đức L số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng);
- + Anh Dương Văn T2 số tiền 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm ngàn đồng);
- + Anh Nguyễn Văn H số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không tự nguyện thì phải chịu lãi suất theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy một đoạn kim loại màu xám dài 8,8cm, một đầu dẹt, một đầu tròn rỗng bên trong hình tứ giác; Một đoạn kim loại hình trụ tròn màu trắng dài 11,2cm, đường kính 0,7cm. Bên ngoài bọc vỏ nhựa màu vàng và phân thành hai đoạn. Tình trạng vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 30/3/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Truy thu số tiền 25.400.000 đồng mà bị cáo Phạm Khánh D đã thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Khánh D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.175.000 đồng (Ba triệu, một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THA Dân sự H;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã S;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thành Nhân